

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề cương Đề án “Phát triển các mô hình cây trồng, vật nuôi, dược liệu, sản phẩm có lợi thế khu vực miền núi tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021 - 2025”.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 01/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Chương trình công tác năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Dân tộc tỉnh tại Tờ trình số 45/TTr-BDT ngày 07 tháng 6 năm 2021 về việc đề nghị phê duyệt Đề cương Đề án “Phát triển các mô hình cây trồng, vật nuôi, dược liệu, sản phẩm có lợi thế khu vực miền núi tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021 - 2025”; Công văn số 3466/SKHĐT-KTNN ngày 31 tháng 5 năm 2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc thẩm định Đề cương Đề án Phát triển các mô hình cây trồng, vật nuôi, dược liệu, sản phẩm có lợi thế khu vực miền núi.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề cương Đề án “Phát triển các mô hình cây trồng, vật nuôi, dược liệu, sản phẩm có lợi thế khu vực miền núi tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021 - 2025” (có Đề cương nhiệm vụ Đề án kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ban Dân tộc căn cứ các quy định của pháp luật hiện hành và nội dung phê duyệt tại Quyết định này, khẩn trương tổ chức triển khai lập Đề án; gửi các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương có liên quan tham gia ý kiến; tổng hợp, hoàn thiện Đề án, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh trong Quý IV năm 2021.

2. Giao Sở Tài chính căn cứ các quy định hiện hành của Nhà nước và Đề cương nhiệm vụ Đề án được duyệt, hướng dẫn Ban Dân tộc lập dự toán kinh phí xây dựng Đề án; sớm thẩm định và tham mưu, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

3. Giao các sở, ngành, đơn vị, địa phương liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, có trách nhiệm hỗ trợ, tạo điều kiện để Ban Dân tộc tổ chức xây dựng, hoàn thiện Đề án đảm bảo chất lượng cao, đúng thời gian quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Trưởng Ban Dân tộc; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND 11 huyện miền núi; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (đề B/c);
- Phó CVP Nguyễn Văn Chiến;
- Lưu: VT, VX (ngocnd).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đầu Thanh Tùng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ CƯƠNG NHIỆM VỤ

**Đề án Phát triển các mô hình cây trồng, vật nuôi, dược liệu, sản phẩm
có lợi thế khu vực miền núi tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021 - 2025**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2021
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa).

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Khu vực miền núi tỉnh Thanh Hóa có 11 huyện, gồm: Mường Lát, Quan Hóa, Quan Sơn, Bá Thước, Lang Chánh, Thường Xuân, Như Xuân, Ngọc Lặc, Như Thanh, Cẩm Thủy, Thạch Thành; có diện tích tự nhiên hơn 799 nghìn ha, dân số hơn 1,1 triệu người, chiếm 71,8% diện tích và 31,6% dân số toàn tỉnh; với 174 xã, thị trấn và 1.551 thôn, bản (sau sáp nhập). Trong giai đoạn 2016 - 2020, khu vực các huyện miền núi có 06 huyện (từ năm 2018 trở về trước là 07 huyện) nghèo theo Nghị quyết 30a, 100 xã khu vực III, 181 thôn, bản đặc biệt khó khăn thuộc diện đầu tư của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững theo Quyết định số 1772/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Là vùng có địa hình phức tạp nhiều đồi núi, sông suối; có điều kiện kinh tế, xã hội còn khó khăn, phát triển chậm, tỷ lệ hộ nghèo còn cao so với trung bình chung toàn tỉnh (5,7%, cuối năm 2020). Đời sống của nhân dân trong vùng dựa vào sản xuất nông nghiệp là chủ yếu.

Trong những năm qua Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã ban hành nhiều nghị quyết, cơ chế, chính sách, các đề án, dự án về phát triển kinh tế - xã hội cho khu vực miền núi nói chung và phát triển sản xuất nông nghiệp nói riêng; qua đó đã huy động được các nguồn lực về vốn, kỹ thuật, giống cây trồng, vật nuôi đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp của khu vực miền núi, do đó sản xuất nông nghiệp trong những năm qua đạt được những kết quả quan trọng, cơ cấu kinh tế nông nghiệp khu vực miền núi của tỉnh chuyển dịch mạnh; nhiều giống cây trồng, vật nuôi mới có năng suất, chất lượng được đưa vào sản xuất; nhiều mô hình phát triển cây trồng, vật nuôi, dược liệu được triển khai thực hiện đã góp phần tạo việc làm, giảm nghèo, phát triển kinh tế của khu vực.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được thì việc phát triển sản xuất nông lâm nghiệp nói chung và phát triển các mô hình cây trồng, vật nuôi, dược liệu của khu vực miền núi nói riêng còn có những tồn tại, hạn chế: Phân tán, nhỏ lẻ, manh mún, chưa được quan tâm đầu tư thích đáng; nhiều mô hình được xây dựng có hiệu quả nhưng chưa được nhân rộng, chưa áp dụng công nghệ mới vào sản xuất; vệ sinh an toàn thực phẩm chưa được kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ; chưa có cơ chế, chính sách hấp dẫn thu hút các nhà đầu tư lớn vào lĩnh vực phát triển cây trồng, vật nuôi, dược liệu, sản phẩm có lợi thế của khu vực miền núi...

Do đó, phát triển nông nghiệp nói chung và phát triển cây trồng, vật nuôi, dược liệu chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của khu vực miền núi.

Xuất phát từ yêu cầu thực tế, để có một số mô hình cây trồng, vật nuôi, dược liệu, sản phẩm lợi thế của khu vực miền núi, nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế của khu vực, nhân rộng để thúc đẩy sản xuất nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; góp phần nâng cao đời sống nhân dân, giảm nghèo; từng bước sản xuất ra các sản phẩm có lợi thế trở thành hàng hóa mang đặc trưng của vùng miền núi, tạo ra sản phẩm có chất lượng tốt, có thương hiệu, nâng cao khả năng cạnh tranh, tham gia tốt vào thị trường đầu ra và để thực hiện thắng lợi Chương trình phát triển kinh tế - xã hội khu vực miền núi tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2025 thì việc xây dựng ***Đề án phát triển các mô hình cây trồng, vật nuôi, dược liệu, sản phẩm có lợi thế khu vực miền núi tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021 - 2025*** là rất cần thiết.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

- Luật Trồng trọt ngày 19/11/2018; Luật Chăn nuôi ngày 19/11/2018;
- Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;
- Nghị định số 65/2017/NĐ-CP ngày 19/5/2017 của Chính phủ về chính sách đặc thù về giống, vốn và công nghệ trong phát triển nuôi trồng, khai thác dược liệu;
- Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 1409/QĐ-TTg ngày 15/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch triển khai Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2030;
- Thông tư số 37/2018/TT-BNN&PTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực quốc gia;
- Chương trình phát triển kinh tế - xã hội khu vực miền núi tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021 - 2025;
- Chương trình hành động số 15-CTr/TU ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX;

- Quyết định số 1638/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Thanh Hóa;

- Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 01/01/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình công tác năm 2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

III. TÊN ĐỀ ÁN

Phát triển các mô hình cây trồng, vật nuôi, dược liệu, sản phẩm có lợi thế khu vực miền núi tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021 - 2025.

IV. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Đối tượng: Một số mô hình cây trồng, mô hình vật nuôi, mô hình cây dược liệu, mô hình sản phẩm lợi thế khu vực miền núi.

2. Phạm vi: Đề án thực hiện trên địa bàn 11 huyện miền núi, gồm: Mường Lát, Quan Hóa, Quan Sơn, Bá Thước, Lang Chánh, Ngọc Lặc, Thường Xuân, Như Xuân, Như Thanh, Cẩm Thủy, Thạch Thành.

3. Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2021 - 2025.

Phần I

KHÁI QUÁT VỀ KHU VỰC LẬP ĐỀ ÁN VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CÁC MÔ HÌNH CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI, DƯỢC LIỆU, SẢN PHẨM CÓ LỢI THẾ KHU VỰC MIỀN NÚI

I. KHÁI QUÁT ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI KHU VỰC LẬP ĐỀ ÁN

1. Khái quát điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, tập quán canh tác khu vực lập Đề án

2. Tình hình thực hiện các chủ trương, chính sách của Trung ương, Tỉnh về phát triển các mô hình cây trồng, vật nuôi, dược liệu, sản phẩm có lợi thế khu vực miền núi

3. Kết quả phát triển các mô hình cây trồng, vật nuôi, dược liệu, sản phẩm có lợi thế khu vực miền núi

4. Hạn chế, yếu kém và nguyên nhân

5. Đánh giá chung và bài học kinh nghiệm.

Phần II

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CÁC MÔ HÌNH CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI, DƯỢC LIỆU, SẢN PHẨM CÓ LỢI THẾ KHU VỰC MIỀN NÚI TỈNH THANH HÓA, GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

I. BỐI CẢNH, TÌNH HÌNH

II. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát
2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025.

IV. NHIỆM VỤ XÂY DỰNG CÁC MÔ HÌNH CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI, DƯỢC LIỆU, SẢN PHẨM CÓ LỢI THỂ KHU VỰC MIỀN NÚI TỈNH THANH HÓA, GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

1. Xây dựng mô hình cây trồng
2. Xây dựng mô hình vật nuôi
3. Xây dựng mô hình dược liệu
4. Xây dựng mô hình sản phẩm có lợi thế

V. DỰ KIẾN VỐN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Tổng nhu cầu vốn
2. Đề xuất nguồn vốn thực hiện Đề án
3. Dự kiến nguồn vốn thực hiện theo các năm

VI. HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN VÀ NHỮNG KHÓ KHĂN GẶP PHẢI TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Hiệu quả Đề án
2. Dự báo những khó khăn gặp phải khi thực hiện Đề án

VII. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Giải pháp về tổ chức quản lý, xây dựng các mô hình
2. Giải pháp về khoa học và công nghệ, phát triển các mô hình
3. Giải pháp về thông tin, truyền thông
4. Giải pháp về chế biến và thị trường tiêu thụ sản phẩm
5. Giải pháp về tập huấn, chuyển giao, nhân rộng mô hình
6. Giải pháp về vốn

Phần III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tổ chức thực hiện
2. Phân công trách nhiệm

Phần IV

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận
2. Kiến nghị./.